

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HS-ST
Ngày: 17-12-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Thái Long
2. Ông Nguyễn Thành Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Hiền Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2018/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Võ Thanh T, tên gọi khác: X, sinh năm 1993 tại Đồng Nai. ĐKTT: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm hồ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh T và bà Huỳnh Thị N; bản thân chưa có vợ; Tiền án; tiền sự: không; bắt tạm giam từ ngày 04/8/2018 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Võ Thanh D, sinh năm 1985

ĐKTT: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Vương Trí C, sinh năm 1977

ĐKTT: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Lý Bá S, sinh năm 1968

ĐKTT: Số 168/5 khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- Người làm chứng: Trần Anh T, sinh năm 1995

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/7/2018, anh Vương Trí C giao xe mô tô biển số 62X1-7129 cho anh Võ Thanh D là em vợ anh C sử dụng chở vợ anh C đi khám bệnh. Sau đó, anh D điều khiển xe mô tô biển số 62X1-7129 về nhà tại ấp 4, xã T, huyện B để hôm sau chở vợ anh C đi nhận kết quả khám bệnh. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Võ Thanh T là cháu ruột anh D thấy xe mô tô biển số 62X1-7129 đang dựng trong nhà D, do không có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 62X1-7129 đem cầm lấy tiền tiêu xài, nên T nói dối với anh D là mượn xe mô tô biển số 62X1-7129 để ra nhà trọ của cha T ở ấp 3, xã T, huyện B do sợ T đem xe đi cầm nên anh D giao chìa khóa xe cho em Trần Anh T là cháu anh D và kêu Anh T điều khiển xe mô tô biển số 62X1-7129 chở T ra nhà trọ của cha T rồi điều khiển xe trở về trả cho anh D. Lúc này, T giành điều khiển xe mô tô biển số 62X1-7129 chở Anh T đến nhà trọ cha T nhưng không gặp nên điều khiển xe quay trở lại nhà anh D. Khi cách nhà anh D khoảng 500m, T nói dối đi uống cà phê, kêu Anh T vào nhà, Anh T tin là thật nên để T lấy xe mô tô biển số 62X1-7129 điều khiển đi, còn Anh T đi bộ vào nhà anh D báo cho anh D biết việc T lấy xe đi. Sau khi lấy xe mô tô biển số 62X1-7129, T điều khiển đến nhà của Lý Bá S, nói là xe của T cầm với số tiền 1.500.000đ, Siêu tin là thật nên đã đưa cho T 1.500.000đ và giữ xe mô tô biển số 62X1-7129, T nhận tiền xong và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/7/2018, anh D làm đơn tố giác hành vi chiếm đoạt xe của T.

Trong quá trình điều tra, CQĐT còn phát hiện: Vào ngày 09/7/2018, T cùng với Nguyễn Hải Triều và Đinh Ngọc Triều thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô biển số 67K8-3097, trị giá 1.340.000đ của chị Dương Thị Huyền Trân tại khu phố 8, thị trấn B, huyện B và ngày 21/7/2018, T thực hiện hành vi trộm cắp trapping tài sản là 01 xe mô tô biển số 70E1-026.02, trị giá 1.600.000đ của anh Võ Thanh D tại ấp 4, xã T, huyện B. Hiện 02 vụ Trộm cắp tài sản trên CQĐT Công an huyện Bến Lức đang được thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG, ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Bến Lức định giá xe mô tô biển số 62X1-7129 trị giá 3.600.000đ.

Tại cáo trạng số 94/CT-VKSBL ngày 15-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Võ Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Thanh T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Võ Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Bị hại anh Võ Thanh D trình bày: Ngày 02/7/2018, anh sử dụng xe mô tô biển số 62X1-7129 của anh rể là Vương Trí C để chở chị ruột anh là vợ anh C đi khám bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, anh điều khiển xe mô tô biển số 62X1-7129 về nhà để hôm sau chở chị anh đi khám bệnh thì đến 18 giờ cùng ngày có Võ Thanh T là cháu ruột của anh đến hỏi mượn xe mô tô biển số 62X1-7129, do trước đó T đã nhiều lần mượn xe của anh và đi cầm nên lần này anh sợ và nói rõ với T là xe này của anh C kêu T không được cầm nữa, T không trả lời. Anh kêu cháu anh Trần Anh T đi cùng với T mục đích để đưa T ra nhà trọ rồi chạy xe về. Anh đưa chìa khóa và xe cho Anh T, sau đó T và Anh T đi đâu anh không rõ. Khoảng 15 phút sau, anh thấy Anh T đi bộ về nhà và nói T đã lấy xe đi uống cà phê, khoảng 15 giờ ngày 03/7/2018, T điện thoại cho anh nói đã cầm xe biển số 62X1-7129 với giá 5.500.000 đồng kêu anh mang tiền đến khu công nghiệp Chingluh để chuộc. Anh đã trình báo sự việc trên cho Công an, sau đó anh mang tiền đến KCN Chingluh để chuộc xe nhưng anh không tin tưởng T nên anh kêu T đưa anh trực tiếp đến cho cầm xe, khi anh và T để chỗ chuộc xe thì Công an đến và T bỏ chạy mất. Qua sự việc anh đã nhận lại xe mô tô biển số 62X1-7129 nên không yêu cầu gì về dân sự, về xử lý hình sự đối với bị cáo T, anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Theo lời khai tại cơ quan điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vương Trí C trình bày: Ngày 02/7/2018, anh có giao xe mô tô biển số 62X1-7129 của anh cho anh D để hôm sau chở vợ anh đi khám bệnh. Khoảng 19 giờ cùng ngày thì anh nghe anh D gọi nói T đã lấy xe đi đâu không rõ. Đến sáng hôm sau D gọi lại cho anh và nói T đã đem xe anh đi cầm nên anh đến Công an trình báo sự việc. Hiện anh đã nhận lại xe mô tô biển số 62X1-7129 nên không yêu cầu gì về dân sự, anh yêu cầu xử lý bị cáo theo đúng quy định pháp luật.

Anh Lý Bá S trình bày: Anh có quen biết bị cáo T vì bị cáo có hay đến chơi game bắn cá tại quán của anh, khoảng 19 giờ ngày 02/7/2018 T có đến nhà anh mượn anh số tiền 1.500.000 đồng và thế chấp xe mô tô biển số 62X1-7129 và hứa hôm sau sẽ chuộc, do T ăn nỉ nhiều lần nên anh đồng ý cho bị cáo mượn tiền, khi nhận thế chấp xe anh có hỏi nguồn gốc xe và T nói là xe của T nên anh mới đồng ý nhận. Hôm sau cơ quan điều tra đến nhà giải thích xe do T phạm tội mà có nên anh đã giao lại xe cho cơ quan điều tra tạm giữ để điều tra. Sau sự việc xảy ra, anh yêu cầu T bồi thường số tiền đã cầm xe là 1.500.000đ ngoài ra anh không yêu cầu gì.

Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho anh Lý Bá S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo bằng thủ đoạn gian dối đã lấy chiếm đoạt xe mô tô biển số 62X1-7129 của anh Võ Thanh D quản lý. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của

viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Võ Thanh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Lý Bá S là người cầm xe, không biết xe mô tô biển số 62X1-7129 do Võ Thanh T phạm tội mà có, nên CQĐT Công an huyện Bến Lức không xử lý hình sự về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Vương Trí C đã nhận lại xe mô tô biển số 62X1-7129 đã bị chiếm đoạt, anh Vương Trí C, và anh Võ Thanh D không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm về dân sự nên không đề cập đến. Riêng anh Lý Bá S yêu cầu T bồi thường số tiền đã cầm xe là 1.500.000đ, bị cáo T đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên được công nhận.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, Biên bản định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Võ Thanh T là người thành niên có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi do không có tiền tiêu xài, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/7/2018, Võ Thanh T thấy xe mô tô biển số 62X1-7129 đang dựng trong nhà anh Võ Thanh D chú của T ở ấp 4, xã T, huyện B, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 62X1-7129 đem cầm lấy tiền tiêu xài, nên T nói dối với anh D là mượn xe mô tô biển số 62X1-7129 để ra nhà trọ của cha T nhưng anh D giao cho bị cáo mà đưa chìa khóa xe và kêu Trần Anh T điều khiển xe mô tô biển số 62X1-7129 chở T đi nhưng đi thì T giành điều khiển xe, đến nơi do cha T không có ở nhà trọ nên T điều khiển xe chở Anh T quay về nhà anh D nhưng khi cách nhà anh D khoảng 500m thì T tìm cách lừa dối là đi uống cà phê, kêu Anh T vào nhà còn bị cáo điều khiển đến cầm xe cho anh Lý Bá S được 1.500.000đ, T nhận tiền và tiêu xài cá nhân hết, như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, với bản tính tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là mượn xe đi uống cà phê nhằm mục đích lừa anh Võ Thanh D để chiếm đoạt tài sản do anh D quản lý để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đang phạm tội khác nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Vương Trí C đã nhận lại xe mô tô biển số 62X1-7129 đã bị chiếm đoạt, anh Vương Trí C, và anh Võ Thanh D không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm về dân sự nên không đề cập đến. Riêng anh Lý Bá S yêu cầu T bồi thường số tiền đã cầm xe là 1.500.000đ, bị cáo T đồng ý. Xét thấy việc thoả thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên ghi nhận. Do đó, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Tấn và anh Lý Bá S. Bị cáo Võ Thanh T có trách nhiệm bồi hoàn cho anh Lý Bá S số tiền 1.500.000 đồng.

[5] Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 62X1-7129 do Lý Bá S giao nộp, xe thuộc sở hữu của anh Vương Trí C, hiện CQĐT đã trả lại cho anh C là phù hợp nên không xét đến.

[6] Về án phí: Bị cáo Võ Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thanh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Võ Thanh T 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày 04-8-2018.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Võ Thanh T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 09-11-2018 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Bị cáo Võ Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Lý Bá S số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Võ Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm..

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hùng Cường